

Số: 546 /NMĐTB2-KTATMT

Thái Bình, ngày 21 tháng 03 năm 2025

V/v cung cấp báo giá 01 bộ vành chèn cơ khí
phía NDE; 01 bộ vành chèn cơ khí phía DE
bơm nước cấp chính - NMNĐ Thái Bình 2

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu mua sắm 01 bộ vành chèn cơ khí phía NDE; 01 bộ vành chèn cơ khí phía DE bơm nước cấp chính – Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp các vật tư tương tự cho các Nhà máy Nhiệt điện, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá vật tư trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Như phụ lục 1 đính kèm.
 - ✓ Bản vẽ tham khảo GA-144141/GA-144142.
- Vật tư cấp mới đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Nhà cung cấp đề xuất nhưng không muộn hơn ngày 15/05/2025.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 15h00 ngày 28/03/2025.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Hoàng Bích Sơn, Phòng KTATMT;



- ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- ✓ Số điện thoại liên hệ: 0982090189; Email:sonhb@pvpgb.vn;
hungbb@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GD NM (để b/c);
- Phòng: TM (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (H.B.S: 1 b).

Đính kèm:

- Phụ lục 1(Phạm vi công việc);
- Bản vẽ GA-144141/GA-144142.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chung

Xã Mỹ Lộc - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình
ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



PHỤ LỤC 01: PHẠM VI CÔNG VIỆC

**Mua sắm 01 bộ vành chèn cơ khí phía DE; 01 bộ vành chèn cơ khí phía NDE
để dự phòng cho 04 bơm nước cấp chính của 02 Tổ máy – Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2**

(Đính kèm Công văn số 546 NMĐTB2-KTATMT ngày 21 tháng 03 năm 2025)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ vành chèn cơ khí phí DE bơm nước cấp chính	RREP Single Cartridge Seal Kích thước : 150 mm Vật liệu : Carbon/SSIC/FFKM/EPDM Theo Bản vẽ :GA-144141	Bộ	1	
2	Bộ vành chèn cơ khí phí NDE bơm nước cấp chính	RREP Single Cartridge Seal Kích thước : 150 mm Vật liệu : Carbon/SSIC/FFKM/EPDM Theo Bản vẽ :GA-144142	Bộ	1	



DRAWING No. GA-144141

ISSUE C

MODIFICATIONS:
A ORIGINAL ISSUE
ISSUE 'B', ECN 38534, NT, 22-AUG-13.
ISSUE 'C', ECN 53814, HC, 04-FEB-14

WARNING:
SEAL SUPPLIED WITH EPDM ELASTOMER.
KEEP OIL AWAY FROM CONTACTING ELASTOMERIC PARTS.
FOR INSTALLATION, USE PROPYLENE GLYCOL, GLYCERINE OR DISTILLED WATER.

DRAWING WITH NO SERVICE DATA
* This drawing shows parts and possible material option for the equipment. It does not imply that the parts and materials are suitable for any application.
* Warranty applies to dimensional data only - complete service data was not supplied
* Contact John Crane to review pressure rating and material selection with service data.

DRIVE END

VIEW R (SCALE :- 0.4:1)

SHAFT ROTATION

MARK BOTTOM IN ITEM No. 19

2 X M12 JACKING HOLES FOR ITEM No. 19

4 X M20 STUDS EQUISPACED ON 305 PCD

2 X M12 JACKING HOLES FOR ITEM No. 20

4 X M8 EQUISPACED 305 PCD IN STUFFING BOX FOR ITEM No. 18

22.5°

22.5°

22.5°

22.5°

35°

45°

FO

FI

CO

CI

21

150

170

97 TO SHAFT STEP

107

51

87.1

26

9

18

24

23

SEE NOTE 4

TIGHTENING TORQUE - 60.5 Nm

28

27

13

1

11

19

12

3

5

4

10

7

22

SEE NOTE 5

275

M 12

178

16

9A

15

2

5

14

17

25

6

9

8

20

21

R 1

R 3

R 1

FI

φ 20

51

65 +0.1 0

61

φ 131

φ 340 GLAND OD

φ 140 H6 SHAFT

φ 200 ±0.01 BORE

φ 260 ±0.02 BORE

φ 270 ±0.02 BORE

φ 270

9

22.5°

22.5°

22.5°

22.5°

35°

45°

FO

FI

CO

CI

21

150

170

97 TO SHAFT STEP

107

51

87.1

26

9

18

24

23

SEE NOTE 4

TIGHTENING TORQUE - 60.5 Nm

28

27

13

1

11

19

12

3

5

4

10

7

22

SEE NOTE 5

275

M 12

178

16

9A

15

2

5

14

17

25

6

9

8

20

21

R 1

R 3

R 1

FI

φ 20

51

65 +0.1 0

61

φ 131

φ 340 GLAND OD

φ 140 H6 SHAFT

φ 200 ±0.01 BORE

φ 260 ±0.02 BORE

φ 270 ±0.02 BORE

φ 270

9

22.5°

22.5°

22.5°

22.5°

35°

45°

FO

FI

CO

CI

21

150

170

97 TO SHAFT STEP

107

51

87.1

26

9

18

24

23

SEE NOTE 4

TIGHTENING TORQUE - 60.5 Nm

28

27

13

1

11

19

12

3

5

4

10

7

22

SEE NOTE 5

275

M 12

178

16

9A

15

2

5

14

17

25

6

9

8

20

21

R 1

R 3

R 1

FI

φ 20

51

65 +0.1 0

61

φ 131

φ 340 GLAND OD

φ 140 H6 SHAFT

φ 200 ±0.01 BORE

φ 260 ±0.02 BORE

φ 270 ±0.02 BORE

φ 270

9

22.5°

22.5°

22.5°

22.5°

35°

45°

FO

FI

CO

CI

21

150

170

97 TO SHAFT STEP

107

51

87.1

26

9

18

24

23

SEE NOTE 4

TIGHTENING TORQUE - 60.5 Nm

28

27

13

1

11

19

12

3

5

4

10

7

22

SEE NOTE 5

275

M 12

178

16

9A

15

2

5

14

17

25

6

9

8

20

21

R 1

R 3

R 1

FI

φ 20

51

65 +0.1 0

61

φ 131

φ 340 GLAND OD

φ 140 H6 SHAFT

φ 200 ±0.01 BORE

φ 260 ±0.02 BORE

φ 270 ±0.02 BORE

φ 270

9

22.5°

22.5°

22.5°

22.5°

35°

45°

FO

FI

CO

CI

21

150

170

97 TO SHAFT STEP

107

51

87.1

26

9

18

24

23

SEE NOTE 4

TIGHTENING TORQUE - 60.5 Nm

28

27

13

1

11

19

12

3

5

4

10

7

22

SEE NOTE 5

275

M 12

178

16

9A

15

2

5

14

17

25

6

9

8

20

21

R 1

R 3

R 1

FI

φ 20

51

65 +0.1 0

61

φ 131

φ 340 GLAND OD

φ 140 H6 SHAFT

φ 200 ±0.01 BORE

φ 260 ±0.02 BORE

φ 270 ±0.02 BORE

φ 270

9

22.5°

22.5°

22.5°

22.5°

35°

45°

FO

FI

CO

CI

21

150

170

97 TO SHAFT STEP

107

51

87.1

26

9

18

24

23

SEE NOTE 4

TIGHTENING TORQUE - 60.5 Nm

28

27

13

1

11

19

12

3

5

4

10

7

22

SEE NOTE 5

275

M 12

178

16

9A

15

2

5

14

17

25

6

9

8

20

21

R 1

R 3

R 1

FI

φ 20

51

65 +0.1 0

61

φ 131

φ 340 GLAND OD

φ 140 H6 SHAFT

φ 200 ±0.01 BORE

φ 260 ±0.02 BORE

φ 270 ±0.02 BORE

φ 270

9

22.5°

22.5°

22.5°

22.5°

35°

45°

FO

FI

CO

CI

21

150

170

97 TO SHAFT STEP

107

51

87.1

26

9

18

24

23

SEE NOTE 4

TIGHTENING TORQUE - 60.5 Nm

28

27

13

1

11

19

12

3

5

4

10

7

22

REFERENCE DRAWING LIST:
OUTLINE DRAWING FOR MAIN BFP & BP
(TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DGA-0001)
SECTIONAL DRAWING FOR MAIN BFP
(TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001)

FOR FINAL

[illegible]

